FireAnt

# CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn (HSX: SGN)

| Thông tin giao dịch | 31/12/2025 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 59,300 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | 98,143 |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | 57,900 |
| SL cổ phiếu LH | 33,498,591 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 8,000 |
| % sở hữu nước ngoài | 27.2% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 1,986 |
| P/E | 9.5 |
| EPS | 6,215 |

| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| SGN | -27.2% | -2.5% | -4.4% | -5.5% |
| VNINDEX | 40.5% | 2.7% | 5.9% | 26.1% |

## Cơ cấu Tổng tài sản

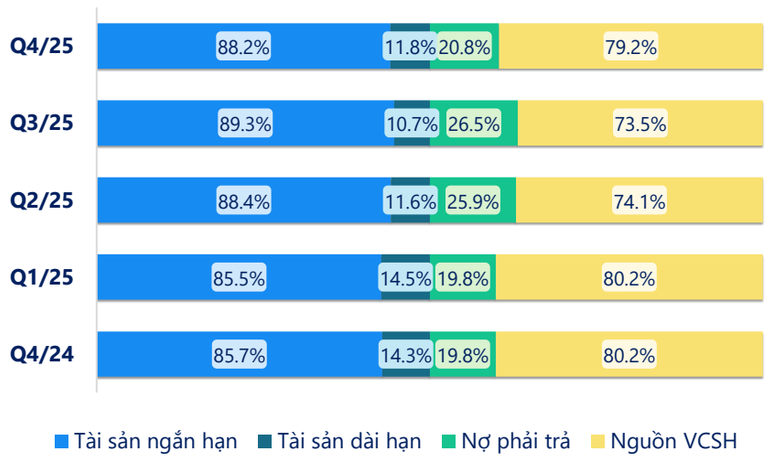


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

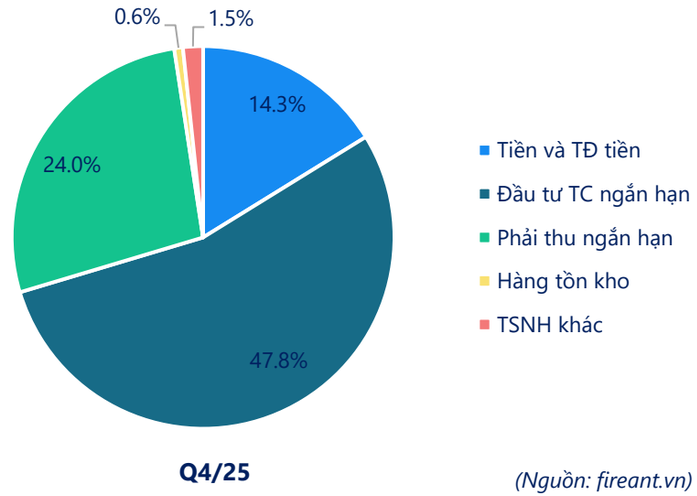


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu

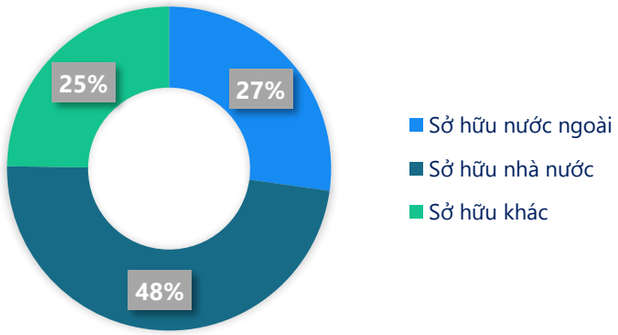


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông

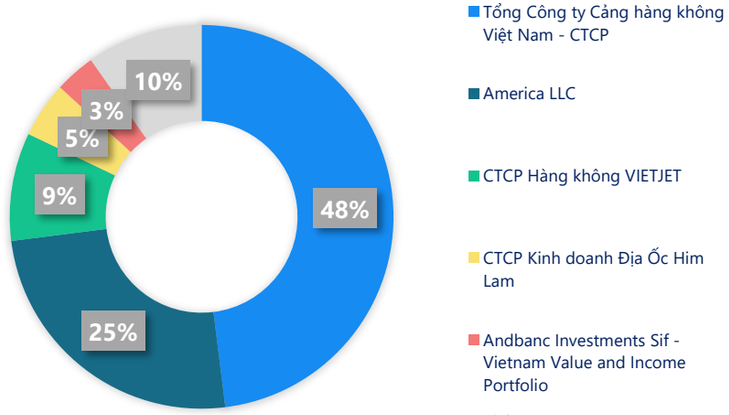


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

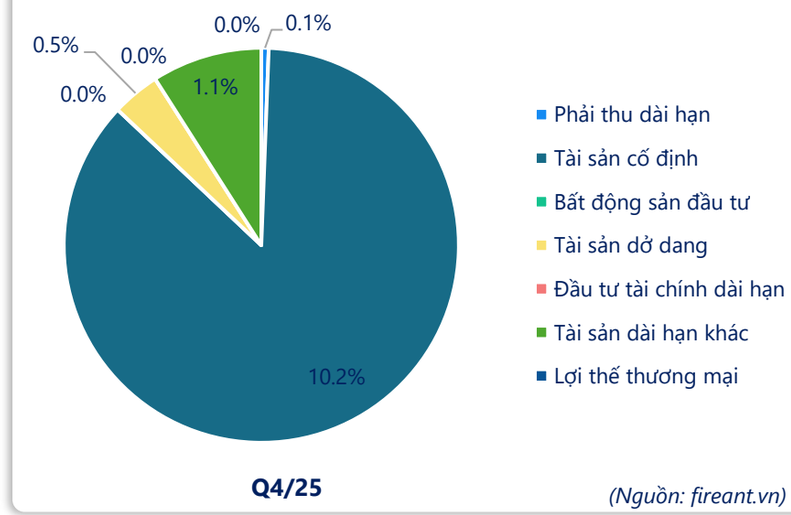


*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

# CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn (HSX: SGN)

## Tiền và tương đương tiền

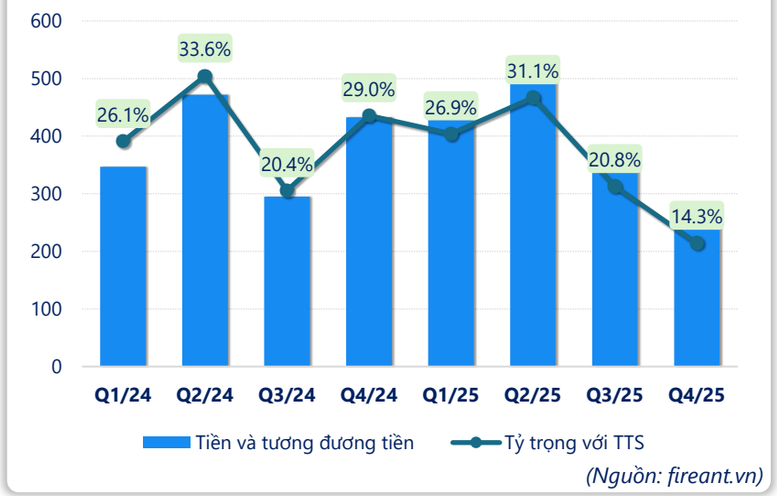


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Phải thu ngắn hạn

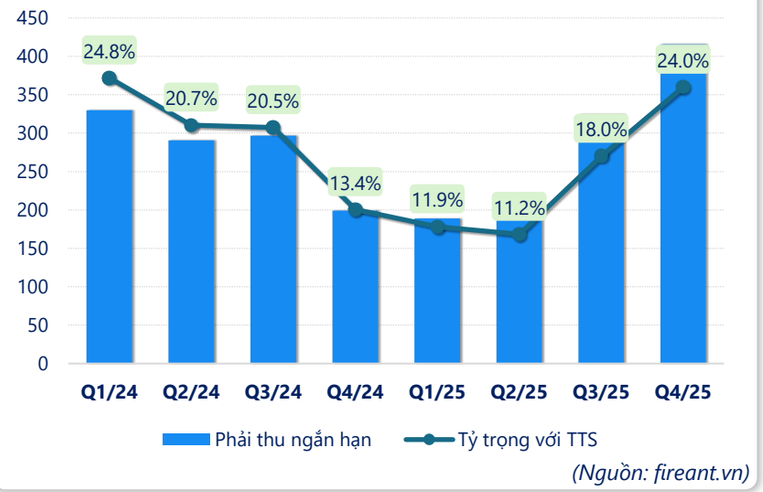


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Hàng tồn kho

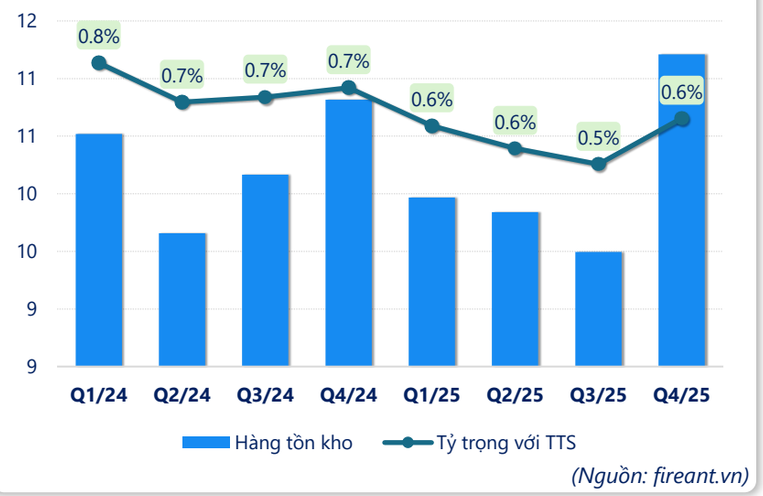


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tài sản cố định

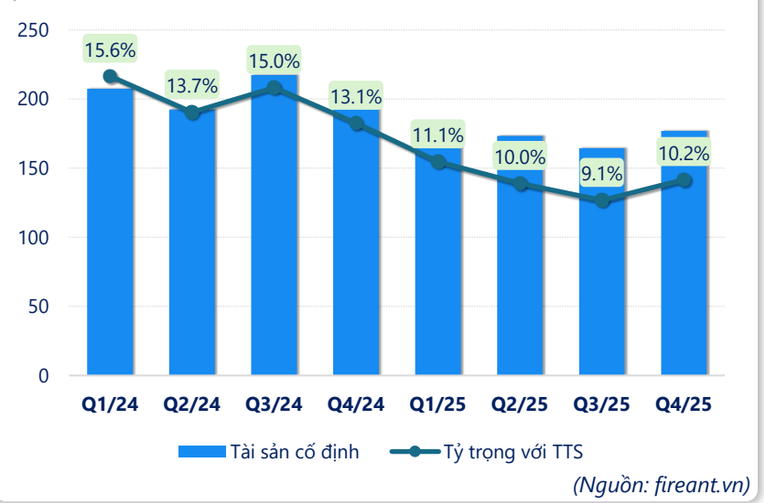


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nợ vay

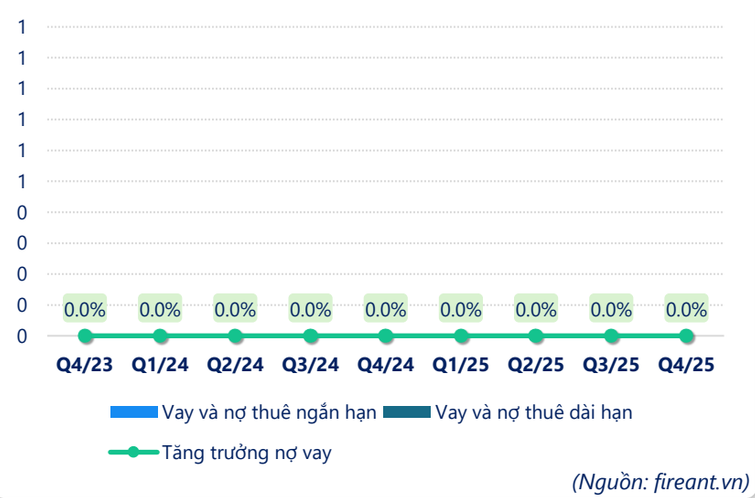


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vốn chủ sở hữu

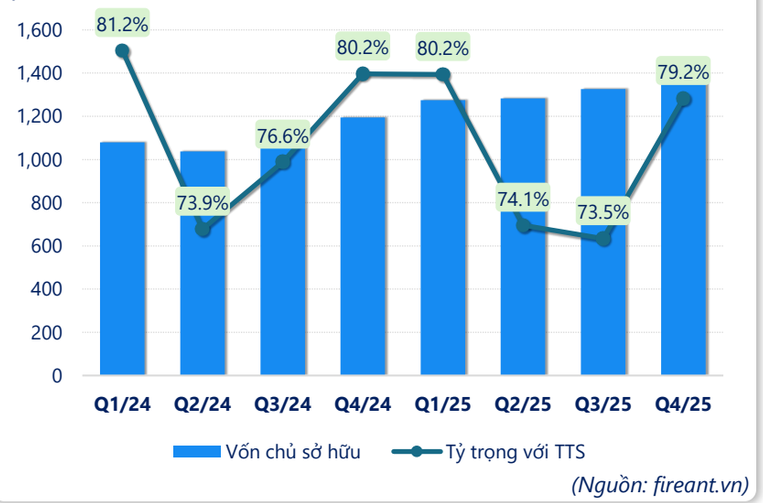


*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

# CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn (HSX: SGN)

## Kết quả kinh doanh

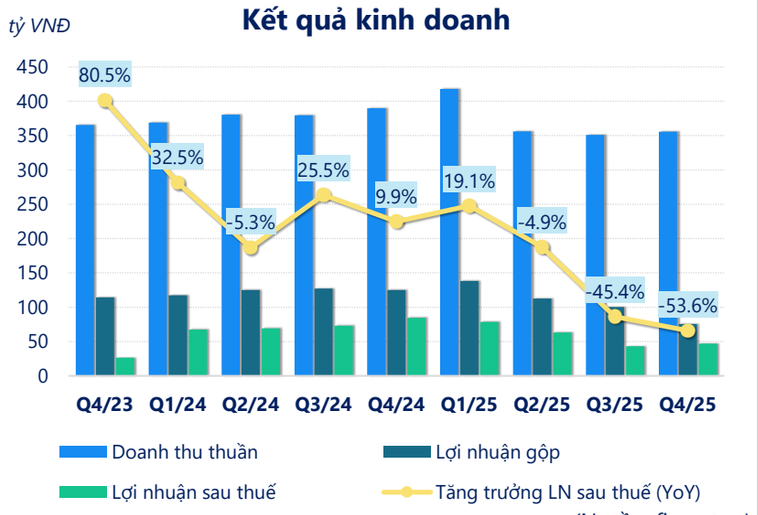


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận

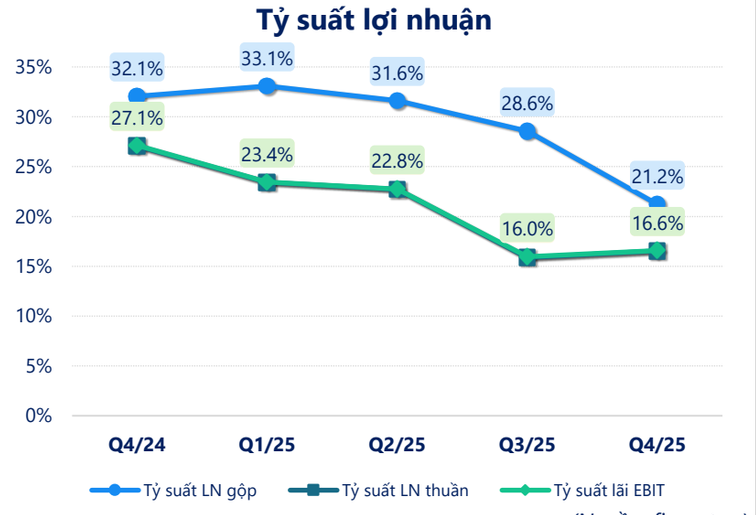


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi

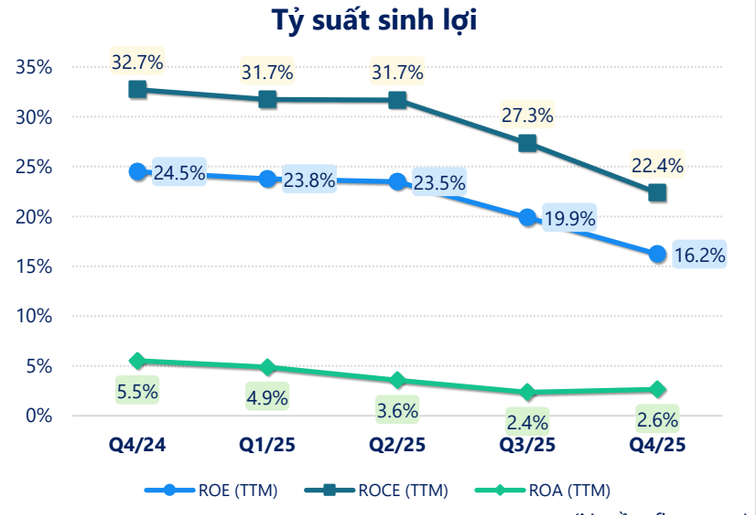


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản

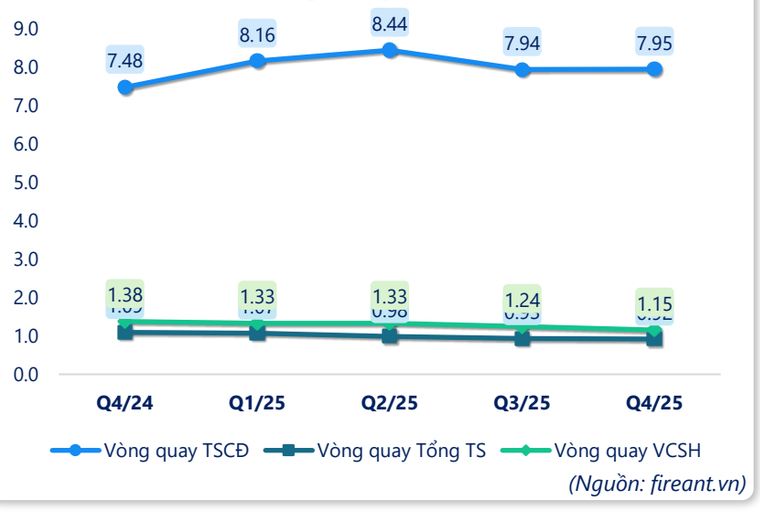


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản

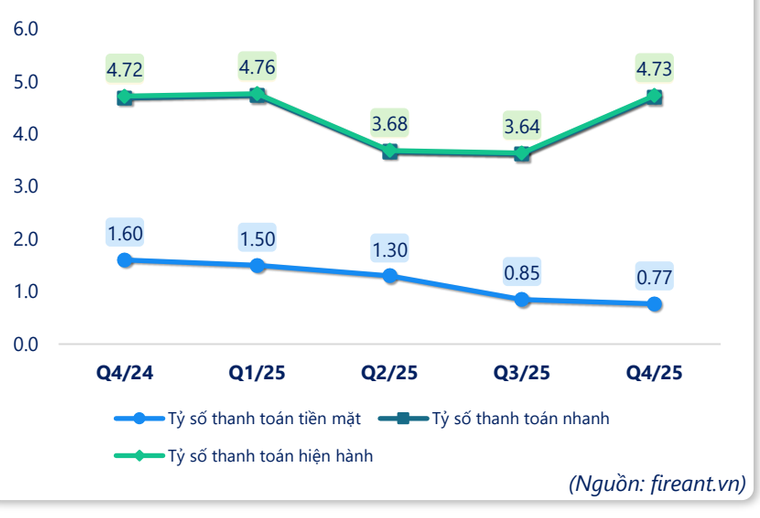


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền

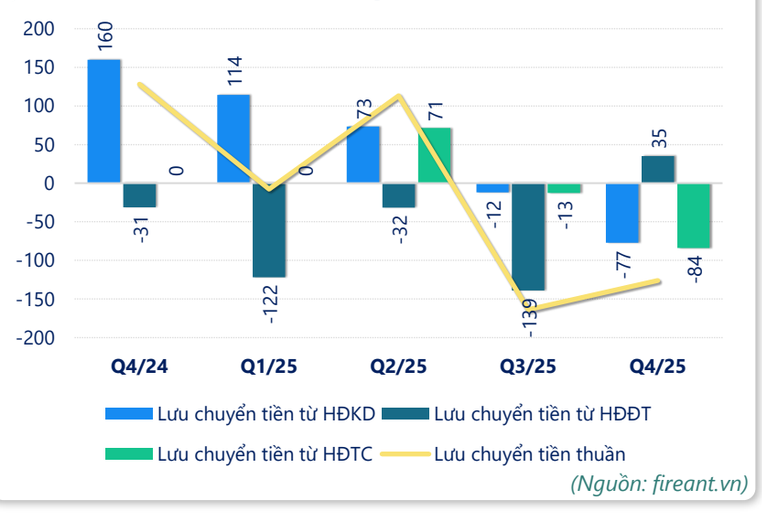


*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

FireAnt

# CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn (HSX: SGN)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ) | Tại ngày 31/12/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **1,733** | **1,490** | **16.3%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 1,528 | 1,246 | 22.6% |
| Tiền và tương đương tiền | 247 | 432 | -42.8% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 828 | 597 | 38.7% |
| Phải thu ngắn hạn | 416 | 199 | 109% |
| Hàng tồn kho | 11.2 | 10.8 | 3.6% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 25.8 | 7.00 | 268% |
| **Tài sản dài hạn** | **205** | **243** | **-15.9%** |
| Phải thu dài hạn | 1.23 | 30.4 | -95.9% |
| Tài sản cố định | 177 | 196 | -9.6% |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | |
| Tài sản dở dang | 8.03 | 0.84 | 852% |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 0 | 0 | |
| Tài sản dài hạn khác | **18.5** | **16.5** | **12.0%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 0 | |
| **Nợ phải trả** | 360 | 293 | 22.8% |
| **Nợ ngắn hạn** | **323** | **269** | **20.1%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 0 | 0 | |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 32.3 | 45.5 | -29.1% |
| **Nợ dài hạn** | 36.8 | 24.2 | 52.1% |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 0 | 0 | |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **1,373** | **1,196** | **14.7%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **1,373** | **1,196** | **14.7%** |
| Vốn điều lệ | 336 | 336 | 0.0% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 | Q3/25 | Q4/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 390 | 418 | 356 | 351 | 356 |
| Giá vốn hàng bán | 265 | 280 | 243 | 251 | 280 |
| **Lợi nhuận gộp** | 125 | 138 | 113 | 100 | 75.5 |
| Doanh thu HĐTC | 20.6 | 11.5 | 18.9 | 17.8 | 15.1 |
| Chi phí TC | 0.70 | 1.11 | 0.39 | 0.84 | 2.65 |
| **Chi phí lãi vay** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí QLDN | 39.3 | 50.8 | 50.3 | 61.5 | 29.1 |
| **LN thuần từ HĐKD** | 105 | 97.9 | 80.9 | 55.7 | 58.9 |
| Lợi nhuận khác | 0.24 | 0.07 | 0.17 | 0.33 | 0.12 |
| **LN trước thuế** | 106 | 98.0 | 81.0 | 56.0 | 59.0 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | 84.5 | 78.3 | 63.3 | 43.2 | 47.2 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | 76.8 | 71.5 | 55.8 | 38.3 | 42.6 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ) | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 | Q3/25 | Q4/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | 160 | 114 | 73.5 | -11.8 | -77.1 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | -31.5 | -122 | -31.8 | -139 | 34.9 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | 0 | 0 | 71.3 | -12.9 | -83.8 |
| Tiền đầu kỳ | 295 | 432 | 428 | 539 | 376 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **128** | **-7.63** | **113** | **-164** | **-126** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 9.45 | 3.45 | -2.61 | 0.65 | -2.07 |
| Tiền cuối kỳ | 432 | 428 | 539 | 376 | 247 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic